

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

Số: 1071 /BVK-VTTBYT
V/v: Mời báo giá Vật tư y tế
dùng cho Chẩn đoán hình ảnh
tại Bệnh viện K

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện K có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá dự toán và giá gói thầu mua sắm Vật tư y tế dùng cho Chẩn đoán hình ảnh tại Bệnh viện K, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện K.

2. Thông tin liên hệ:

+ Họ và tên người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nông Thị Hà Phương

+ Số điện thoại: 0846996081

+ Chức vụ: Nhân viên Phòng vật tư – thiết bị y tế

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá gửi xin gửi về Bệnh viện K tại địa chỉ: Số 30, Cầu Bươu, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội.

- Bản scan báo giá (có đóng dấu hợp pháp của đơn vị), file mềm báo giá excel gửi theo địa chỉ email: phongvttbyt.bvk@gmail.com để Bệnh viện tổng hợp.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày đăng tải đến trước 17h00 ngày 17 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.

2. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán

Chung

phá giá hoặc nâng khống giá. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản...và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

III. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Bệnh viện K.

IV. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng từng đợt trong thời gian ≤ 72 giờ (hoặc ≤ 24 giờ đối với trường hợp cấp cứu) kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện K.

V. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Đồng tiền thanh toán: VNĐ.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

VI. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

1. Báo giá: Theo mẫu tại Phụ lục 02 đính kèm.
2. Tài liệu kỹ thuật liên quan:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh; Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.
 - Bảng đáp ứng yêu cầu mời báo giá, Hồ sơ sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật có liên quan.
 - Hợp đồng cung cấp sản phẩm đã ký kết hoặc thông báo trúng thầu (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BVK;
- HT mạng đấu thầu quốc gia;
- Lưu: VT, VTTBYT. *nr*



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quảng



PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số 1071/BVK-VTTBYT ngày 07/4/2026 của Bệnh viện K)

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vật liệu nút mạch tái thuốc điều trị ung thư gan	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan. - Chất liệu Poly (Sodium acrylate vinyl alcohol) copolymer. - Được chỉ định để sử dụng trong nút mạch máu kết hợp hoặc không kết hợp doxorubicin HCl cho các mục đích điều trị hoặc tiền phẫu thuật theo các quy trình: Ung thư biểu mô tế bào gan; Ung thư Di căn vào gan. Vật liệu kết hợp với irinotecan được sử dụng dùng trong nút mạch ung thư trực tràng (mCRC) di căn vào gan. - Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200 µm. Có tối thiểu 5 kích cỡ (20-40 µm; 30-60µm; 50-100µm; 100-150µm; 150-200µm). Được đựng trong lọ 10ml, khối lượng 25mg, kích thước hạt sau khi ngâm thuốc tăng gấp 4 lần so với kích thước hạt khi còn khô (80-800++µm). - Số lượng hạt/ lọ: từ 9.400 - 2.100.000 hạt tùy kích cỡ (9400; 28100; 139000; 815000; 2100000) - Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Lọ	4.200
2	Vật liệu nút mạch tái thuốc điều trị ung thư gan	- Là hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ (Polyzene™-F), không tan trong dung môi. - Mang thuốc doxorubicin và irinotecan lên đến 50mg/ml - Thời gian hấp thụ nhanh, tối đa 60 phút. - Kích thước hạt: 40;75;100 µm. - Đóng gói: ống 2ml.C8 - Xuất xứ: G7	Lọ	1.120
3	Vật liệu nút mạch tái thuốc điều trị ung thư gan	- Là hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, không tan trong dung môi. - Mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 100mg/2 ml hạt. - Thời gian hấp thụ nhanh, tối đa 60 phút. - Kích thước hạt: 40,75,100 µm. - Đóng gói: ống 2ml.B7	Lọ	280
4	Hạt vi cầu mềm đồng cỡ nút mạch có tái thuốc	Công thức mới: PEG (Polyethylene Glycol) - Kích cỡ hạt được hiệu chuẩn chặt chẽ và được đánh dấu nhãn màu giúp dễ nhận diện: 100 ± 25 µm (đen), 200 ± 50 µm (vàng), 400 ± 50 µm (xanh), dạng ống tiêm nạp sẵn. - Thể tích hạt nút mạch 2ml, đóng gói trong 4ml dung dịch nước muối sinh lý đệm vô trùng (PBS). - Được bổ sung thêm các Sulfonate liên kết để giữ và phóng thích thuốc có kiểm soát trong gan - Vật liệu PEG giúp giảm thời gian tạo thể hỗn dịch nhằm tối đa hóa thời gian tồn tại ở trạng thái hỗn dịch (trên 2 phút) - Xuất Xứ: G7 - Có ISO, CE, FDA	Lọ	70
5	Vật liệu nút mạch không tái thuốc	- Hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ (Polyzene™-F), không tan trong dung môi. - Kích thước hạt: 40 µm – 1.300 µm, được mã hóa màu theo kích thước. - Đóng gói 2ml - Xuất Xứ: G7 - Tiêu chuẩn: ISO13485, EC và CFS Châu Âu	Lọ	210
6	Vật liệu nút mạch không tái thuốc	Vật liệu nút mạch pha sẵn dung tích hạt 2ml trong xy lanh 20ml - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin. Vật liệu có thể nén tạm thời lên tới 33% để đi qua vi ống thông dễ dàng. Bề mặt tích điện giúp vật liệu gắn chặt vào thành mạch, giảm thiểu di chuyển sang các mạch không mục tiêu. Kích cỡ: 40 - 1200 µm. Có tối thiểu 7 kích cỡ (50-100µm; 40-120µm; 100-300µm; 300-500µm; 500-700µm; 700-900µm; 900-1200µm) - Đạt tiêu chuẩn FDA và CE, ISO 13485.	Lọ	210
7	Vật liệu nút mạch tạm thời	Vật liệu nút mạch tạm thời trong điều trị sẽ thúc đẩy sự hình thành huyết khối trong động mạch hoặc tĩnh mạch bằng cơ chế nhân tạo để ngăn chặn hoặc làm chậm dòng máu. - Vật liệu: làm từ gelatin - Kích thước từ 50-4000 µm. - Có tính tương thích sinh học, và hấp thụ trong mạch máu. - Mỗi lọ chứa khoảng 100mg vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS	Lọ	560

Thuy

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
8	Vật liệu nút mạch tạm thời	- Hạt nút mạch có thành phần từ gelatin cá giúp hình thành huyết khối hoặc chặn dòng chảy của máu cho mục đích điều trị. - Thời gian tắc mạch được kiểm soát: 2–3 tuần; 2–3 ngày; 12–24 giờ - Đường đi trơn tru qua mạch máu & tập trung tắc mạch chính xác tại vị trí đích. - Thành phần từ gelatin cá, tương thích sinh học - Kích thước hạt từ 50-2000µm - Thể tích: ống 20ml chứa 100mg vật liệu nút mạch - Xuất xứ: OECD - Tiêu chuẩn: ISO13485	Lọ	280
9	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm, lõi nitinol - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Bộ	3.220
10	Dụng cụ mở đường vào động mạch loại dài	Cấu tạo gồm: - Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm, lõi nitinol - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Bộ	140
11	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay thành mỏng, phủ lớp ái nước	Công nghệ thành siêu mỏng làm giảm đi 1Fr đường kính ngoài của sheath mà vẫn giữ được kích cỡ đường kính trong như các sheath tương tự. Cấu tạo: - Kim luồn chọc mạch cỡ: 20G x 51mm; 22G x 32mm - Mini guidewire plastic cỡ 0.025" x 45cm; plastic 0.025" x 80cm; plastic 0.021" x 45cm; spring 0.018" x 45cm; - Sheath dài 10cm hoặc 16cm có phủ lớp ái nước - Kích thước: cỡ 7Fr, 6Fr và 5Fr Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Bộ	140
12	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu qua động mạch đùi	Cấu tạo của Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch gồm: - 01 Kim chọc mạch cỡ 18G, - 01 Dây dẫn chất liệu thép không gỉ, cỡ 0.035", dài 45cm - 01 Bơm tiêm 2.5ml, - 01 Ống thông mở đường vào lòng mạch (Introducer sheath) bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene), tăng cường hexafluoropropylene (HFP), kích thước: 5F, 6F, 7F dài 11cm - Ống nong lòng mạch máu/ que nong (Dilator) chất liệu polyethylene (PE) - Van cầm máu và khoá 3 ngã - Tiệt trùng bằng EO - Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Bộ	2.800
13	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp	Đầu tip thiết kế thuận nhọn giúp giảm thiểu tổn thương mạch máu. Phủ hydrophilic Kích thước: 4,5, 6, 7, 8, 9, 10, 11F Chiều dài sheath: 8cm, 11, 13, 15, 18, 23cm Dây dẫn thép không gỉ dài 45 cm, cỡ 0.021" và 0.038" Que nong dài: 13.5 cm và 16.5 cm Kích cỡ kim: 21G (loại dành cho mạch quay) dài 4 cm, 18G (loại dành cho mạch đùi) dài 6.5 cm Tiêu chuẩn FDA và CE	Bộ	700
14	Vi ống thông can thiệp mạch ngoại biên đầu tip thuận hình bút chì cỡ 1.9F	-Vi ống thông can thiệp mạch ngoại biên thiết kế hình dạng đầu tip thuận hình bút chì cỡ ống thông linh hoạt chia 10 đoạn độ cứng -Các chiều dài: 110cm, 130cm, 150cm với 3 hình dạng đầu: Straight, Angle, Double Angle. -Đường kính trong 0.019"/0.022" tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.018". -Tương thích với hạt vi cầu nhỏ hơn 300µm. -Đường kính ngoài tại vị trí đánh dấu cân quang, đầu xa, đầu gần tương đương với 1.9F, 2.2F, 2.8F. -Tiệt trùng ETO. Dụng cụ bao gồm 1 Syringe 2.5 mL, 1 Syringe 1mL, 1 Y connector và 1 dụng cụ định hình đầu tip - Đạt tiêu chuẩn ISO, PMDA	Cái	2.800

Thuy

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
15	Vi dây dẫn can thiệp mạch bụng, có lõi đầu xa để tạo hình cỡ 0.016"	-Vi dây dẫn can thiệp mạch vùng bụng có lõi bằng kim loại không gỉ được bao phủ bằng Polyurethane và lớp Polymer ái nước. - Đường kính 0.016", chiều dài cân quang 3cm được làm bằng cuộn xoắn Platinum - Chiều dài phần đầu xa dạng thuôn dài 40cm. - Các hình dạng đầu: Straight và Angle(d) Các chiều dài: 135cm, 165cm, 180cm. - Phần đầu xa của vi dây dẫn nhờ xử lý lõi dẹt giúp tạo hình dễ dàng các dạng đầu tip như: Straight, Angle(d), Double Angle(d), Sigmoid - Phụ kiện bao gồm dụng cụ định hình, chèn mạch, và dụng cụ vận lái. -Tiệt trùng ETO - Đạt tiêu chuẩn ISO, PMDA	Cái	2.800
16	Vi ống thông can thiệp loại 1.98Fr có khung đầu uốn sẵn	- Đường kính đầu tip nhỏ 1.9Fr - 1.98Fr - Đường kính trong 0.022 inch - Đường kính đoạn xa 1.98 Fr - Đường kính đoạn gần 2.8 Fr - Chiều dài tối thiểu ≤ 112cm tối đa ≥ 157cm - Đầu tip Thăng, Cong 80, Cong 45 - ISO, CFS, DOC	Cái	2.800
17	Vi dây dẫn đường dùng cho can thiệp mạch máu	- Lớp phủ Hydrophilic trên nền Polymer dài 160, 175cm - Chiều dài tối thiểu: 165, 180cm - Đường kính: 0,016 inch - Đầu chấn bức xạ dài 5cm. - Đầu tip dạng: Cong 45, Cong 2 lần, Cong - Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	2.800
18	Vi ống thông dẫn đường dùng can thiệp TOCE, loại 1.7F có khung đầu uốn sẵn	- Đầu tip siêu nhỏ 1.7F - Ống thông được bên bởi 2 dây (độ dày khác nhau) - Lớp phủ ái nước dài 65cm và 100cm - Chiều dài có 3 cỡ 112cm, 132 cm, 157cm - Đầu tip có 2 hình dạng: Cong, Thăng - Tương thích với dây 0.016 inch - Đi kèm phụ kiện: Stylet - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	140
19	Vi ống thông dẫn đường dùng can thiệp mạch máu tạng đường kính 2.6Fr kèm dây dẫn	- Vi ống thông dẫn đường dùng trong - Phủ ái nước hydrophilic 65cm - Đường kính: 0.027 inch - Đường kính đoạn xa 2.6Fr - Đường kính đoạn gần 2.8Fr - Chiều dài có tối thiểu 2 cỡ: nằm trong khoảng từ 110 cm đến 135 cm, đi kèm với dây dẫn chiều dài lần lượt: 140cm, 160cm. - Đầu tip dạng: Cong 80, Cong - Chịu được áp lực 1000 PSI - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	560
20	Vi ống thông can thiệp 2.7Fr truyền tắc nút mạch	- Vi ống thông cỡ 2.7Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm - Cấu trúc 3 lớp: - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cân quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước - Kích thước: đường kính: 2.7Fr, chiều dài: 110 cm và 130 cm - *Thông số dây dẫn đi kèm - Kích cỡ 0.021" - Lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi - Đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm - Lớp áo ngoài ái nước - Có ISO, CE, FDA - Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Cái	140
22	Vi dây dẫn đường phủ hydrophilic (micro guide wire) đường kính 0.016"	- Dây dẫn dùng cho can thiệp: - Đường kính: 0.016 inch. - Chiều dài: 165 cm và 180 cm. - Cấu tạo thép không gỉ - Chiều dài đoạn chấn bức xạ: 5 cm. - Hình dáng đầu tip xa: thẳng - Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	700
23	Vi ống thông kèm bóng truyền tắc nút mạch	- Cấu tạo bóng: - Vật liệu: polyurethane - Chiều dài: 10mm - Vị trí: cách 3.5mm từ đầu vào ống thông - Bóng chèn hoàn toàn, bóng được nong cao hơn 1,1 hoặc 1,2 lần đường kính mạch máu - Cấu tạo vi ống thông: - Chiều dài: 110cm; 130cm; 150cm - Phủ ái nước hydrophilic ở 60cm đầu xa - Gồm 02 đoạn đánh dấu cân quang ở đầu xa và đầu gần của bóng dài 0.65mm - Đầu vào 1.8Fr, dài 0.5mm - Có ISO, CE - Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Cái	140

Thuy

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
24	Dây dẫn đường dài 150cm	Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane cân quang, hỗn hợp tungsten giúp dễ dàng quan sát dưới tia X - Lớp phủ ái nước Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 1, 3 cm - Đường kính: 0.035", 0.038" - Có ISO, CE, FDA Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Cái	2.800
25	Dây dẫn đường dài 260cm	Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane cân quang, hỗn hợp tungsten giúp dễ dàng quan sát dưới tia X - Lớp phủ ái nước Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" - Có ISO, CE, FDA Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Cái	700
26	Dây dẫn đường Hydrophilic Guide wire các cỡ	"Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic. - Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled). - Kích thước: Chiều dài dây dẫn: 120-150 cm, - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035" - Tiệt trùng bằng EO - Tiêu chuẩn ISO 13485. CE"	Cái	3.500
27	Catheter chẩn đoán mạch não và ngoại biên	Cấu tạo: - Lớp trong: Nylon - Lớp ngoài: Polyurethane - Lớp giữa: Lớp đan kép thép không gỉ SUS 304 - Có lớp phủ Hydrophilic 30cm trên bề mặt ở đầu xa - Dây dẫn tương thích: $\leq 0.038"$ Kích thước: - Đường kính ngoài: 5Fr - Chiều dài: 70, 80, 100 cm - Nhiều hình dạng đầu tip Yashiro (RHS), Cobra (CB), Vertebral (AN), Simmons(SM)... đáp ứng các nhu cầu chẩn đoán khác nhau. - Tiệt trùng: EO - Tiêu chuẩn: ISO13485, CE	Cái	3.000
28	Ống thông ái nước chụp mạch ngoại biên qua động mạch quay	Cấu tạo: - Lớp trong giàu nylon - Lớp bên kép thép không gỉ giúp kiểm soát chuyển động quay hiệu quả Kiểu đầu thiết kế chuyên dụng cho tiếp cận qua động mạch quay: MG1, MG2. Kích cỡ: - Đường kính: 4Fr - Chiều dài: 125cm; 135cm; 150cm - Lớp phủ ái nước: 15cm hoặc 40cm đầu xa - Dây dẫn tương thích: 0.0038"/0.97 mm - Áp lực bơm tối đa: 750 psi Xuất Xứ: G7 Hoặc EU - Có ISO, CE	Cái	140
29	Ống thông chụp chẩn đoán tạng	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bên đơn - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 25cm hoặc 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 70cm, 100cm. - Kiểu đầu: Yashiro. Xuất Xứ: G7 Hoặc EU - Có ISO, CE, FDA	Cái	3.220
30	Ống thông chụp chẩn đoán mạch ngoại biên có phủ ái nước chọn lọc	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bên đơn (loại 5F) và bên kép (loại 4F) - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic dài 15cm, 25cm, 40cm. - Kích cỡ: 4F (đường kính trong 1.03mm), 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 65cm, 80cm, 100cm - Kiểu đầu: Mani, Vertebral, Cobra, Multipurpose, Simmons Xuất Xứ: G7 Hoặc EU	Cái	280

Chung

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
31	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch. Dạng coil đẩy. Có sợi Dacron bao phủ	- Chất liệu: Hợp kim Platinum, có sợi Dacron bao phủ. Dạng coil đẩy. - Đường kính 2-11 mm. - Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm. - Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp.	Cái	560
32	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch có thể thu lại coil, có sợi Dacron bao phủ	- Gồm 1 vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron và dây thả, được nối bởi khóa giúp tăng độ chính xác khi thả và có thể thu lại coil. - Công nghệ Interlock. - Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm. - Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube.E47	Cái	560
33	Kim đốt sóng cao tần	- Kim đốt sóng cao tần đơn cực. - Đầu kim sắc nhọn, có ≥ 3 mặt vát. - Nhiều lựa chọn cho kích thước từ chiều dài kim, đầu phát nhiệt. - Loại kim đầu phát nhiệt cố định với có hệ thống làm lạnh bên trong. - Đường kính kim tối thiểu có các cỡ: 18G, 17G, 15G. Chiều dài thân kim, chiều dài đầu phát nhiệt chi tiết: + Loại 18G có: Loại chiều dài thân kim 7cm ($\pm 5\%$). Độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 6 loại: 0.5cm, 0.7cm, 1 cm, 1.5cm, 2cm, 3cm; Loại chiều dài thân kim 12cm ($\pm 5\%$). Độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 6 loại: 0.5cm, 0.7cm, 1 cm, 1.5cm, 2cm, 3cm. Loại chiều dài thân kim 17cm ($\pm 5\%$). Độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 5 loại: 0.7cm, 1cm, 1.5cm, 2cm, 3cm; + Loại 17G có: Loại chiều dài thân kim 12cm ($\pm 5\%$). Độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 6 loại: 1cm, 2cm, 2.5cm, 3cm, 4cm, 5cm; Loại chiều dài thân kim: 17cm ($\pm 5\%$). Độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 9 loại: 0.7cm, 1cm, 2cm, 2.5cm, 3cm, 3.5cm, 4cm, 4.5cm, 5cm; Loại chiều dài thân kim: 22cm, 27cm ($\pm 5\%$). Độ dài đầu phát nhiệt tối thiểu có 8 loại: 1cm, 2cm, 2.5cm, 3cm, 3.5 cm, 4cm, 4.5cm, 5cm; - Điện áp định mức tối đa của điện cực: $\geq 180V$. - Chất liệu: Thép không gỉ - Tương thích với: Máy đốt nhiệt bằng sóng cao tần CRF Generator hãng Cambridge Interventional LLC. - Xuất xứ của sản phẩm thuộc nhóm nước G7 hoặc thành viên của Liên minh Châu Âu (EU). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	1.100
34	Kim đốt sóng cao tần sử dụng điều trị u xơ, loại hai thành phần	Kim đốt sóng cao tần loại hai thành phần điện cực và Cannula; - Điện cực đầu từ đường kính 17G, có hệ thống làm lạnh bên trong, chiều dài tối thiểu có các loại 10cm, 15cm, 20cm, 25cm ($\pm 5\%$); - Cannula có thể dùng làm sinh thiết trước khi đốt khối u; Sử dụng nhiều Cannula để định vị nhiều hướng đốt khác nhau mà chỉ sử dụng một điện cực. - Đường kính cannula cỡ 15G tối thiểu có: + Chiều dài 10cm ($\pm 5\%$), đầu phát nhiệt tối thiểu có 6 cỡ: 1cm, 2cm, 2.5cm, 3cm, 4cm, 5cm; + Chiều dài 15cm, 20cm, 25cm ($\pm 5\%$), đầu phát nhiệt tối thiểu có 8 cỡ: 1cm, 2cm, 2.5cm, 3cm, 3.5cm, 4cm, 4.5cm, 5cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA (Mỹ) hoặc tương đương. - Sử dụng tương thích với: Máy đốt nhiệt bằng sóng cao tần CRF Generator hãng Cambridge Interventional LLC của Bệnh viện.	cái	200
35	Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u gan, u phổi... thay đổi chiều dài đầu hoạt động	- Xuất xứ: một trong các nước thuộc nhóm OECD - Cỡ 15G - 19G - Chiều dài làm việc: 50mm - 350mm - Chiều dài đầu hoạt động (đầu phát nhiệt): có loại kim điều chỉnh được trong khoảng từ 5mm đến 15mm (mỗi bước 2.5mm), có loại kim điều chỉnh từ 5 mm đến 30 mm (mỗi bước 5mm) và có loại kim điều chỉnh được trong khoảng từ 15 mm đến 40 mm (mỗi bước 5mm), tùy thuộc vào kích cỡ và chiều dài của các kim đốt. - Đạt chứng nhận: FDA, CE, ISO 13485	Bộ	300
36	Kim đốt sóng cao tần chùm 3 kim cỡ 15G, 17G	- Xuất xứ: một trong các nước thuộc nhóm OECD - Loại điện cực chùm 03 kim, có thể tách rời 2 đầu hoặc 3 đầu tua - Cỡ: 15G, 17G - Chiều dài làm việc: 150mm, 200mm - Chiều dài đầu hoạt động (đầu phát nhiệt): 20mm - 50mm - Đạt chứng nhận: CE, ISO 13485	Bộ	100
37	Kim đốt vi sóng	Kim đốt sử dụng công nghệ vi sóng Kim làm bằng chất liệu sợi thủy tinh hoặc tương đương, kích cỡ $\geq 13G$. Có công nghệ làm mát bên trong kim Công suất tối đa có thể truyền tải $\geq 140W$ Có ≥ 3 loại với ≥ 3 kích cỡ khác nhau: 15cm; 20cm; 30cm, đầu đốt 2.8cm ($\pm 5\%$) Kích thước khối u tối đa có thể đốt: $\geq 4.7cm \times 4.8cm$	Bộ	50
38	Kim đốt sóng cao tần đơn cực	Bộ gồm 01 kim 17, chiều dài kim đốt 10 - 20cm; đầu phát năng lượng 0,7cm-5cm; 1 tấm dẫn điện cực Chất liệu kim: thép không gỉ, độ dày kim 17G. Kiểm soát nhiệt độ tại đầu kim đốt: Từ 0 đến 100 độ C Xuất xứ: G7	Bộ	250

Thuy

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
39	Kim đốt sóng cao tần bộ 2 kim	Bộ gồm 02 kim đốt riêng biệt 17G; đường nước làm mát nối tiếp nhau; Chiều dài kim đốt 10cm - 20cm, đầu phát năng lượng 0,7 - 5cm; 2 tấm dán điện cực. Chất liệu kim: thép không gỉ, độ dày kim 17G. Kiểm soát nhiệt độ tại đầu kim đốt: Từ 0 đến 100 độ C Xuất xứ: G7	Bộ	50
40	Kim sinh thiết tự động	Dùng trong các thủ thuật về vú, thận, gan, tuyến tiền liệt và tuyến giáp Có 3 chế độ lấy mẫu Rãnh lấy mẫu: 20mm. Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 6cm, 9cm, 11cm, 15cm, 20cm + Độ lớn của kim: 14G, 16G, 18G, 20G.	Bộ	1.000
41	Kim sinh thiết bán tự động	Đầu vát sắc bén Rãnh lấy mẫu: 20mm Có các vị trí đánh dấu độ sâu bằng cm Có điểm phân xạ có khả năng hiển thị dưới hướng dẫn siêu âm. Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 6cm, 9cm, 11cm, 15cm, 20cm. + Độ lớn của kim: 22G, 20G, 18G, 16G, 14G.	Bộ	5.000
42	Thiết bị định vị mô vú SenoMark UltraCor	Miếng định vị vị trí sinh thiết khối u vú được làm bằng chất liệu titanium hoặc BioDur 108 đan xen với polyme polyvinyl alcohol để tăng cường sóng siêu âm vĩnh viễn. Bao bọc bên ngoài bởi 3 miếng đệm polyglycolic acid có thể tái hấp thụ sau 12 tuần. Miếng định vị này sẽ được cấy ghép vĩnh viễn vào vị trí vừa được lấy sinh thiết ở khối u vú để giúp định vị vị trí đã được làm sinh thiết. Miếng định vị này sẽ được nhìn thấy rõ vĩnh viễn trên hình ảnh siêu âm, x-quang, nhũ ảnh và MRI. Phù hợp để sử dụng riêng hoặc dùng chung cùng kim Encor, Encor MRI, ATEC MRI, Eviva với bộ điều hợp kèm theo. Sản phẩm sử dụng cùng kim có kích thước 14G kèm theo. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE và FDA.	Bộ	100
43	Dây định vị u vú dùng cho MRI	Kim và dây định vị làm từ inconel 625. Độc kim làm từ Acrylic. Có các hạt được đặt cách nhau 1cm trên dây tạo ra hình ảnh tham chiếu so với tổn thương và cung cấp điểm tham chiếu nổi bật. Kim có kích cỡ 20G với chiều dài kim ngoài và chiều dài dây định vị lần lượt là 5cm - 15cm, 7cm - 20cm, 9cm - 20cm, 14cm - 35cm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, FDA-CFG và CE.	Cái	30
44	Kim dây định vị khối u vú	Kim và dây định vị làm từ thép không gỉ 304 và 302. Độc kim làm từ Polycarbonate, Ektar MBDA003. Được thiết kế để cố định ở vị trí mong muốn và hạn chế sự di chuyển của dây. Thiết kế dây cong cho phép định vị lại sau khi đặt, kết cấu dây xoắn bên bi. Kim dây có kích cỡ 20G và nhiều chiều dài để lựa chọn 3.7cm, 5.7cm, 7.7cm, 10.7cm và 13.7cm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, FDA-CFG và CE	Cái	1.200
45	Kim sinh thiết mô mềm bán tự động có kim dẫn đường	Kim sinh thiết bán tự động mô mềm có kim dẫn đường, sử dụng sinh thiết dưới hướng dẫn CT và siêu âm. Đường kính từ 14G - 20G; chiều dài từ 90mm-220mm, máng lấy mẫu tùy chỉnh 11/22mm, có khóa chốt an toàn, có kênh riêng để hút dịch và bơm thuốc.	Bộ	25.000
46	Bộ kim sinh thiết bán tự động mô mềm 14G, 16G, 18G, 20G	+ Kim sinh thiết bán tự động mô mềm có kim dẫn đường, sử dụng sinh thiết dưới hướng dẫn CT và siêu âm + Đường kính: 14G, 16G, 18G, 20G + Chiều dài kim sinh thiết: 11cm, 15cm, 20cm + Máng lấy mẫu tùy chỉnh 10/20mm, 20mm + Đầu kim vát 4 cạnh	Bộ	10.000
47	Kim sinh thiết mô mềm bán tự động	- Kim sinh thiết mô mềm có mũi kim làm bằng chất liệu thép không gỉ 304 - Vị trí của kim có thể được quan sát bằng X-quang, CT hoặc siêu âm. - Thân kim có các vạch đánh dấu cm giúp xác định vị trí độ sâu chính xác - Đường kính kim: 14, 16, 18 và 20G - Chiều dài kim: 09cm, 15cm, 20cm - Xuất xứ: Mỹ, thuộc các nước G7	Cái	500
48	Ống thông dẫn lưu dịch mật có khóa	- Ống thông được sử dụng để dẫn lưu dịch mật - Ống dẫn lưu làm từ chất liệu polyurethane, có các lỗ cắt vát thoát dịch lớn; được phủ lớp ái nước slip-coat và có điểm đánh dấu vị trí trên thân ống dẫn lưu - Có 01 ống giúp duỗi thẳng đầu đuôi lớn, có thể tháo rời; 01 ống kim loại và 01 ống thông cứng linh hoạt - Dụng cụ Trocar Choice Lock cho phép tiếp cận thao tác bằng một tay - Thiết kế đầu ống dẫn lưu khóa đầu vai giúp chèn dễ dàng - Có hệ thống khóa cố định đuôi lớn cấu hình thấp với chốt khóa cố định - Phù hợp với kỹ thuật: Seldinger - Kích cỡ: 8F, 10F, 12F - Chiều dài: 40cm - Xuất xứ: Mỹ, thuộc các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn FDA, CE	Cái	700

Thuy

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
49	Bộ dẫn lưu đường mật kiểu đuôi lợn chọc dưới hướng dẫn siêu âm, có chốt khóa	Một bộ bao gồm: Ống dẫn dịch kiểu đuôi lợn có khóa chiều dài: 35cm - 40cm, que đẩy, dao nhỏ. + Đầu sonde xoay kiểu đuôi lợn ~10cm. + Ống thông chất liệu Polyurethane + Kích thước 6 - 14Fr."	Bộ	700
50	Sonde dẫn lưu cho các tạng các cỡ	- Chiều dài: Từ 25cm đến 30 cm; - Đường kính: 6F, 7F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F; - Dẫn lưu màu xanh da trời, làm bằng chất liệu polyurethane - Phần xoắn dạng đuôi lợn với lỗ thông lớn; - Hệ thống ma sát thấp, chống xoắn, tương thích sinh học cao, đàn hồi tốt, cản quang tốt. - Hệ thống locking - Trộn bộ bao gồm: dao nhọn hình tam giác, và dụng cụ làm cứng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu phủ Hydrophilic và khóa - locking	Cái	700
51	Ống dẫn lưu qua da có khóa RLC	Ống dẫn lưu qua da có khóa, kích thước: 6.5F, 7.5F 8.5F, 10F, 12F, 14F với chiều dài catheter 15, 25 và 40 cm, Có 1 marker ở đầu tip. Đầu tip cong hình đuôi lợn, trên thân có khóa Đầu nhọn và lớp phủ ái nước giúp đưa vào trơn nhẵn và giảm sự khó chịu cho bệnh nhân. Điểm đánh dấu cản quang được gắn trên thân ống. Ống thông 6.5F-10F có 8 lỗ thoát dịch; 12F và 14F có 9 lỗ thoát dịch Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO.	Cái	1.400
52	Kim Chiba	Dài 11cm đến 25cm	Cái	2.100
53	Ống thông niệu quản (Sonde JJ) cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr,	chất liệu silicon hoặc TPU hoặc aliphatic polyurethane, dạng tiêu chuẩn, hai đầu xoắn, dài 260mm-280mm, cỡ 4.8Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr. Thời gian lưu tối thiểu 06 tháng.	Cái	280
54	Chạc trộn thuốc	được thiết kế để trộn chất lỏng dầu và dung dịch nước để tạo thành nhũ tương dạng Nước trong Dầu. - Chất liệu: + Thân chạc: Polyvinyl chloride (không chứa DEHP) + Lớp màng ngăn: thủy tinh xốp có thiết kế đa vi lỗ - Đầu vận ống tiêm có thiết kế ren xoắn	Cái	100
55	Băng keo thun co giãn 8cm x 4,5cm	Kích cỡ: 8cmx4,5cm	Cuộn	4.900
56	Bộ sàng áo dùng trong X - Quang chụp mạch 6 thành phần	Thành phần: + Áo phẫu thuật làm từ vải không dệt không thấm: 2 cái; + Tấm trải PVC 100x135cm: 2 cái; + Khăn đắp PT 160x200cm làm từ vải không dệt không thấm: 01 cái; + Khăn đắp PT 160 x 340cm, khoét 2 lỗ fi8 có 2 lớp đệm hút nước, có băng keo định vị, làm từ vải không dệt không thấm: 01 cái; + Gạc phẫu thuật 10 x10cmx 12 lớp: 24 cái; + Túi nylon 75x90cm: 03 cái.	Bộ	7.000
57	Bơm tiêm dùng một lần có đầu xoay	Bơm tiêm có đầu xoay dùng 1 lần. Chất liệu bằng polycarbonate, trong suốt. Dung tích 1ml, 3ml, 6ml, 10ml, 20ml, 30 ml. Đầu tip có khóa Luer. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	14.000
58	Dây nối áp lực cao, bằng PU/PVC	Dây nối áp lực cao sử dụng trong chụp mạch (DSA) - Tương thích với bơm tiêm áp lực cao của bệnh viện đang sử dụng - Chiều dài 120cm, 150cm, có khóa xoay 2 đầu: 1 male luer, 1 female luer Chất liệu: PVC, không Latex, không DEHP Áp suất giới hạn: 1200psi Tiệt trùng: EO Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; EC	Cái	14.000
59	Bộ bơm thuốc cân quang 150 dùng trong chụp mạch (DSA)	Bộ xi-lanh tiêm thuốc cân quang bao gồm: - 01 xi-lanh 150ml, chất liệu ống tiêm (xi-lanh): PET; cụm pít tông chất liệu: ABS + cao su tổng hợp - 01 ống lấy thuốc, chất liệu: PE - Chất liệu: không DEHP - Phương thức khử trùng: EO (Ethylene Oxide). Áp lực tối đa: 1200psi. Đ - Tương thích với máy bơm cân quang dùng trong chụp mạch DSA - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE	bộ	800
60	Bộ bơm tiêm thuốc cân quang 100ml	Bộ xi-lanh tiêm thuốc cân quang bao gồm: - 01 xi-lanh 100ml, chất liệu ống tiêm (xi-lanh): PET; cụm pít tông chất liệu: ABS + cao su tổng hợp - 01 dây truyền thuốc cân quang dài 150cm, chất liệu PVC - 01 ống nạp thuốc nhanh chất liệu: PE - 01 đầu lấy thuốc chất liệu: ABS - Chất liệu: Không DEHP - Phương thức khử trùng: EO (Ethylene Oxide). Áp lực tối đa: 350 psi. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE. Được nhà sản xuất đăng ký với ban quản lý thuốc và thực phẩm Mỹ (FDA) - Tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang Nemoto A-25, A-60.	bộ	1.200

Chung

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
61	Bộ bơm tiêm thuốc cân quang 190ml	Bộ xi-lanh tiêm thuốc cân quang bao gồm: - 01 xi-lanh 190ml, chất liệu ống tiêm (xi-lanh): PET; cụm pít tổng chất liệu: ABS + cao su tổng hợp - 01 dây truyền thuốc cân quang dài 150cm, chất liệu PVC - 01 ống lấy thuốc chất liệu: PE - Chất liệu: Không DEHP - Phương thức khử trùng: EO (Ethylene Oxide). Áp lực tối đa: 350 psi. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE. (FDA) - Tương thích với máy bơm tiêm thuốc cân quang Imaxeon	bộ	1.200
62	Bơm tiêm cân quang 1 nồng 200ml	Bộ xi-lanh tiêm thuốc cân quang bao gồm: - 01 xi-lanh 200ml, chất liệu ống tiêm (xi-lanh): PP; cụm pít tổng chất liệu: ABS + cao su tổng hợp - 01 dây truyền thuốc cân quang dài 150cm, chất liệu PVC - 01 ống lấy thuốc nhanh, chất liệu: PE - Chất liệu: Không DEHP - Phương thức khử trùng: EO (Ethylene Oxide). Áp lực tối đa: 350 psi.	Cái	400
63	Bộ xy lanh bơm thuốc cân quang hai nồng kèm dây nối chữ Y hoặc chữ T cho máy chụp cộng hưởng từ	- Ống bơm thuốc cân từ 2 nồng dùng cho máy Medrad Spectris Solaris EP. Chịu áp lực tối đa ≥ 350 psi. - Bao gồm 1 bơm tiêm 65ml đường kính trong 2,7cm, 1 bơm tiêm nước muối 115ml đường kính trong 3,6cm, 2 spike, 1 dây nối chữ Y hoặc chữ T dạng xoắn dài 250cm - Tương thích với máy bơm thuốc model Medrad Spectris Solaris EP	Bộ	500
64	Bộ bơm thuốc cân quang 2 nồng kèm dây nối chữ Y hoặc chữ T dùng trong chụp cắt lớp vi tính	- Thể tích: 190 ml/xy lanh - Chịu áp lực tối đa ≥ 300 PSI - Mỗi bộ gồm 02 xy lanh - Tương thích với máy bơm thuốc model MEDRAD Salient - Dây nối chữ Y hoặc chữ T kết nối xy lanh cho bơm hai nồng dài 150 cm, đầu dạng luer-lock, chịu áp lực tối đa ≥ 300 PSI	Bộ	375
65	Kim luồn tĩnh mạch an toàn bơm áp lực cao, có cánh, không cửa chích thuốc dùng bơm thuốc cân quang	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, không cửa bơm thuốc, có 4 đường cân quang trong catheter, catheter chất liệu PUR. Phần kết nối catheter và trung tâm catheter không có thành phần kim loại. - Đầu kim 3 mặt vát. - Kim an toàn dạng nút bấm. - Có vách ngăn chống trào ngược - Buồng bảo máu giúp xác định kim luồn đã đi vào lòng mạch. - Chịu được áp lực tiêm truyền lên tới 300 PSI, tốc độ dòng chảy tối đa 12ml/giây. - Thời gian lưu kim: 72-96 giờ - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA - Size Length/inch ϕ /mm Tốc độ chảy (ml/phút) + 20G x 1 1/4" (1.1x31 mm) 55 ml/nút	Cái	650.000
66	Kim luồn tĩnh mạch an toàn bơm áp lực cao, có cánh, không cửa chích thuốc dùng bơm thuốc cân quang	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Có vách ngăn chống máu trào ngược, sử dụng nhiều lần - Đầu kim vát 3 mặt (Tạo độ bén tối ưu) - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu PUR - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 60ml/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 10-14ml/giây. - Đường kính và độ dài catheter: 1.1mm x 32mm - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - ISO 10555 - Bằng sáng chế : 1-0016123 (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam) - Chứng nhận 510k của FDA	cái	80.000
67	Dây nối bơm thuốc cân quang dài ≥ 75 cm. Không chứa chất phụ gia DEHP	- Không chứa latex - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Đường kính trong: 3 mm - Đường kính ngoài: 4.1mm - Thể tích mỗi: 5.3 ml - Đầu nối Luer Lock - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - Tốc độ 6,3ml/m : áp lực 2 bar	Cái	800.000
68	Bao cao su siêu âm đầu dò	Thành phần: cao su thiên nhiên, chiều dài ≥ 180 mm, có đầu silicone bôi trơn.	Cái	280.000
69	Giấy siêu âm đen trắng 110mmx18m	TP: giấy in nhiệt Kích thước: 110mmx20m	Cuộn	1.000
70	Kim sinh thiết u vú có hỗ trợ lực hút chân không	Mũi kim làm từ thép không gỉ lớp 17-4, lưỡi cắt của kim làm từ thép không gỉ lớp 17-7, độ nhám bề mặt tối đa 20RMS. Thân kim làm từ nhựa ABS / Styrolution ABS. Kích cỡ 7G, 10G, 12G Sử dụng dưới hướng dẫn của siêu âm và nhũ ảnh.	Bộ	100

Thủy

STT	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
71	Kim định vị u vú có Marker	- Chiều dài tổng thể: 240.6mm - Ống thông (cannula) + Chiều dài: 100.5mm + Đường kính bên ngoài: 2.07mm - Nút số 1: độ sâu 22.6mm - Nút số 2: + Chiều dài: 11mm + Đường kính bên ngoài: 8mm - Đầu đánh dấu: các loại - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC	Chiếc	400
72	Kim dây sinh thiết định vị u vú	Kích cỡ : 20G X 120mm, móc đơn hình chữ L, có vạch đánh dấu mỗi 1cm	Cái	400
73	Kim hút vú chân không 9G-12G	Bộ kim sinh thiết có kích cỡ đầu kim từ 9g-12g Có van chữ Y để tiêm thuốc tê trong quá trình sinh thiết Được khử trùng bằng tia Gama Có thể sử dụng trên siêu âm và X Quang tuyến vú Sử dụng tương thích với hệ thống sinh thiết vú chân không ATEC Sapphire của Hologic, Inc	Bộ	500
74	Kim hút vú chân không 9G-12G	Bộ kim sinh thiết có kích cỡ đầu kim từ 9g-12g Có van chữ Y để tiêm thuốc tê trong quá trình sinh thiết Được khử trùng bằng tia Gama Có thể sử dụng trên siêu âm và X Quang tuyến vú Có đi kèm marker định vị sau sinh thiết Sử dụng tương thích với hệ thống sinh thiết vú chân không ATEC Sapphire của Hologic, Inc	Bộ	500
75	Gel siêu âm	Thành phần: Carbomer+ Glycerin+ nước	Can	840
77	Bộ kim sinh thiết xương, có máy khoan hỗ trợ	Tay cầm hình chữ T, cây đẩy bệnh phẩm, đường kính từ 8G đến 13G dài từ 65cm đến 150cm. Kim được đánh dấu độ sâu thâm nhập mỗi vạch 1cm.	Bộ	20
78	Túi đựng camera	Thành phần: + Ống nylon có dây buộc đường kính (Fi) 18cm, chiều dài ≥ 230 cm: 01 cái + Túi nylon có dây buộc chiều rộng ≥ 9 cm, chiều dài ≥ 14 cm: 01 cái	Bộ	3.000
79	Keo sinh học Histoacryl blue	Thành phần: N-butyl-2-cyano acrylat, thể tích ≥ 0.5 ml	Ống	100
80	Dụng cụ gấp dị vật nội mạch các kích cỡ	Đường kính vòng 5 tới 35mm, chiều dài dụng cụ 65cm hoặc 120cm, chiều dài ống thông 48 cm hoặc 102cm, kích thước ống thông 4F hoặc 6F. Mỗi bộ gồm: 1 dụng cụ lấy dị vật (snare), 1 ống thông, 1 dụng cụ mở đường (snare introducer), 1 thiết bị xoắn (torque device) Thiết kế vòng vuông góc 90° Dây cáp chất liệu Nitinol, vòng chất liệu tungsteng mạ vàng. Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE	cái	100
81	Khung giá đỡ mạch ngoại biên, đường mật	Khung giá đỡ tự giãn nở bằng hợp kim nickel titanium (nitinol), hệ thống bung stent Pin - Pull. Đường kính 9,10,12mm, chiều dài 20,30,40,60,80mm, độ dài ống thông có gắn stent 80cm và 120cm, sử dụng dây dẫn 0.035" Thiết kế mắt lưới hở (open lattice design) Sử dụng công nghệ EX.P.R.T trong hệ thống bung stent giúp loại bỏ hiện tượng bung sớm hoặc nhảy stent. 2 marker bắt cân quang chất liệu Tantalum Chỉ định: sử dụng để mở thông hẹp động mạch ngoại vi, đường mật Tương thích với dụng cụ mở đường 6F. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA và CE Xuất xứ: G7	cái	400
82	Bóng nong động mạch ngoại biên, đường mật	Bóng nong mạch ngoại biên tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". Đường kính từ 3 tới 12 mm, độ dài từ 20 tới 200 mm độ dài ống thông có gắn bóng 40, 80, 135 cm. áp lực vỡ bóng (RBP) tối đa 20atm. Loại bóng: Bán cứng (Semi- compliant) Thiết kế ống thông lõi kép (Dual lumen) Phân xa của ống thông có lớp phủ ái nước (hydrophilic coating) Hai marker đánh dấu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA - Xuất xứ Châu Mỹ	cái	20

Ghi chú:

- + Trường hợp đơn vị có thêm các mã sản phẩm khác cùng tính năng và thông số kỹ thuật, khuyến khích đơn vị báo giá;
- + Ghi chính xác thông số kỹ thuật theo đúng thông số hàng hoá báo giá;
- + Chỉ dẫn tài liệu (bản cứng, bản mềm) chứng minh thông số kỹ thuật mặt hàng báo giá.

Thuy

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



(Kèm theo Công văn số 1074/BVK-VTTBYT ngày 7 tháng 4 năm 2026 của Bệnh viện K)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện K

Tên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện K, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là tên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hoá ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾						Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thuế VAT (%)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
		Thông số kỹ thuật mới	Thông số kỹ thuật báo giá	Tên thương mại	Mã, code hàng hóa (REF)	Hãng sản xuất ⁽¹⁾	Phân loại TTBYT	Số đăng ký/ Số công bố/ Số Giấy phép nhập khẩu									
1	Hàng hoá A																
2	Hàng hoá B																
n	...																

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày, phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].

Tên cán bộ phụ trách khi cần liên hệ:

Số điện thoại:

Phạm X

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

4. Quý đơn vị có thể báo giá một hoặc nhiều mặt hàng hoá chất, vật tư y tế. Trường hợp quý đơn vị báo giá thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn thông số kỹ thuật mời báo giá cần ghi rõ kèm các tài liệu chứng minh để bệnh viện hoàn thiện xây dựng thông số kỹ thuật.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

Chữ ký



(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế (đã bao gồm VAT).

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Alway